



zhōng fàn

中饭

noun · lunch

Example Sentences

wǒ men shí èr diǎn chī zhōng fàn

我们十二点吃中饭。

We eat lunch at twelve o'clock.

jīn tiān zhōng fàn wǒ zuò le miàn tiáo hé qīng cài

今天中饭我做了面条和青菜。

Today for lunch I made noodles and greens.

Trace each character, then write the word on your own.

中	中	中	中	中	中	中													
饭	饭	饭	饭	饭	饭	饭	饭	饭	饭										